

Bản án số: 18/2018/KDTM-ST

Ngày: 15 - 05 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp

2. Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 04 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Trụ sở: 927 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D; bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: 346-348 đường H, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 9 năm 2017) (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Phương Thanh H; cư trú tại: 318/56/5 đường F, Phường Q, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Khóm L, Thị trấn M, huyện N, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh T có ký 03 hợp đồng trung dài hạn với bà Nguyễn Phương Thanh H gồm:

- Hợp đồng số: 234/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 08 tháng 4 năm 2016 bà H vay số tiền 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay và thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay được quy định trên từng Bảng kê rút vốn (Kiêm khế ước nhận nợ vay) cụ thể sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Sài Gòn cho bên vay tùy vào từng thời điểm.

- Hợp đồng số: 503/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14 tháng 07 năm 2016 bà Hương vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay và thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay được quy định trên từng Bảng kê rút vốn (Kiêm khế ước nhận nợ) cụ thể sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP S cho bên vay tùy vào từng thời điểm.

- Hợp đồng số: 815/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14 tháng 10 năm 2016 bà Hương vay số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay và thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay được quy định trên từng Bảng kê rút vốn (Kiêm khế ước nhận nợ) cụ thể sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP S cho bên vay tùy vào từng thời điểm.

Tổng cộng số tiền cấp tín dụng cho bà H là 2.225.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để mua xe ô tô tải kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 234/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 08/04/2016 tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu TMT có giấy chứng nhận đăng ký số 003687 biển số 69C-024.56

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 503/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu CAMC có giấy chứng nhận đăng ký số 004465 biển số 69C-027.99

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 815/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016 tài sản thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu FAW có giấy chứng nhận đăng ký số 005200 biển số 69C-030.05

Tất cả các tài sản trên đều được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện vay vốn bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần đơn đốc nhắc nhở, bà H có cam kết nhưng không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 15/05/2018 là 2.170.190.678 đồng, trong đó: nợ gốc 1.787.292.599 đồng; lãi trong hạn 220.420.302 đồng, lãi quá hạn: 59.135.364 đồng (gồm phạt gốc: 37.255.505 đồng + phạt lãi: 21.879.859 đồng); phạt vi phạm hợp đồng 5% 103.342.413 đồng và bà H còn phải tiếp tục trả số tiền lãi

phát sinh cho đến khi bà H trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà H không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản nêu trên, nếu tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì bà Nguyễn Phương Thanh H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau: Hợp đồng tín dụng số: 234/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 08/04/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số: PL01-234/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 09/04/2016, Bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/04/2016, Biên bản định giá tài đảm bảo tài sản ngày 08/04/2016, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 234/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 08/04/2016, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 003678 ngày 05/4/2016, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/4/2016, Hợp đồng tín dụng số: 503/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/07/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số: PL01-487/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/7/2016, Bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/7/2016, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 503/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/07/2016, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 004465 ngày 11/7/2016, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/7/2016, Hợp đồng tín dụng số: 815/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016, Phụ lục hợp đồng tín dụng số: PL1-815/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016, Bảng kê rút vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 14/10/2016, Biên bản định giá tài sản số: 815/BBDG/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 815/HĐTCTS/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005200 ngày 11/10/2016, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, Thông báo về việc kê biên ngày 14/10/2016, Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng, Giấy ủy quyền số 611/UQ-SCB.CNTĐ.17 ngày 29/9/2017, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Đơn xác minh ngày 20/9/2017, Chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Phương Thanh H tại bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2017 trình bày: Bà xác nhận có ký 03 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T vay vốn để mua xe kinh doanh. Trong quá trình vay bà H có chậm trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, lý do bà H không thu hồi được nợ từ phía đối tác nên bà không có tiền trả cho Ngân hàng. Bà H có đề nghị Ngân hàng xem xét giải quyết cho bà H. Tuy nhiên, Tòa án tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H nhưng bà H không đến Tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội

đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy: Giữa Ngân hàng TMCP Svà bà Hương có ký 03 hợp đồng tín dụng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã giao kết, trong trường hợp bị đơn không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Căn cứ các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Phương Thanh H đã ký với nhau. Quan hệ giữa hai bên phát sinh tranh chấp hợp đồng dân sự. Xét, tranh chấp giữa chủ thể là tổ chức Ngân hàng có đăng ký kinh doanh với cá nhân bà Nguyễn Phương Thanh H, cả hai đều hướng đến mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Phương Thanh H cư trú tại quận Gò Vấp căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Phương Thanh H là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Phương Thanh H.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu bà H trả nợ gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp, bà H không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là sự thật.

Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 234/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 08/4/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền 275.000.000 đồng. Căn cứ Sổ phụ tài khoản tiền vay ngày 14/5/2018 do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa nhận thấy, bà Hương đã trả nợ gốc 168.464.451 đồng. Số nợ gốc bà H chưa trả 106.535.549 đồng

Đối với Hợp đồng tín dụng số 503/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/07/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền 900.000.000 đồng. Căn cứ Sổ phụ tài khoản tiền vay ngày 14/5/2018 do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa nhận thấy, bà Hương đã trả nợ gốc là 153.428.950 đồng. Số nợ gốc bà H chưa trả 746.571.050 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 815/HĐTD/SCB-CNTĐ.16 ngày 14/10/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền 1.050.000.000 đồng. Căn cứ Sổ tài khoản nợ vay ngày 14/5/2018 do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa nhận thấy, bà H đã trả nợ gốc 115.814.000 đồng. Số nợ gốc bà H chưa trả 934.186.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 bà H phải có nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng bà H không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận, chỉ trả cho Ngân hàng khoản một phần nợ gốc là 437.707.401 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số nợ gốc còn lại 1.787.292.599 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi và phạt vi phạm hợp đồng: Trong các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà H ký kết có thỏa thuận về lãi suất, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 297, Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm hợp đồng 5% theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 15 tháng 05 năm 2018 lãi trong hạn là 220.420.302 đồng, lãi quá hạn 59.135.364 đồng, phạt vi phạm hợp đồng 103.342.413 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là 03 chiếc xe ô tô, những tài sản thế chấp này đều được công chứng, chứng thực và đã đăng ký giao dịch bảo đảm, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Phương Thanh H. Căn cứ các Điều 234, Điều 343, Điều 344 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005 trong trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ dân sự không đúng thỏa thuận thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 336 và Điều 338 của Bộ luật này. Nên yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả số nợ trên cho nguyên đơn ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi 2.170.190.678 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 75.403.813 đồng, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273, Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 290, 336, 338, 343, 344, 355, Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 297, Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Thông tư số 06/2006/TT-BTP ngày 28/9/2006 hướng dẫn về đăng ký giao dịch bảo đảm

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Phương Thanh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 15 tháng 05 năm 2018 là 2.170.190.678 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu một trăm chín mươi ngàn sáu trăm bảy mươi

tám đồng), trong đó: nợ gốc là 1.787.292.599 đồng, lãi trong hạn 220.420.302 đồng, lãi quá hạn 59.135.364 đồng, phạt vi phạm hợp đồng 103.342.413 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Phương Thanh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Nếu đến hạn bà Nguyễn Phương Thanh H không trả đủ số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế phát mãi các tài sản thế chấp gồm:

- Xe ô tô tải có giấy chứng nhận đăng ký số 003678 do Công an tỉnh G cấp ngày 05/04/2016 biển số 69C-024.56 số máy 8373WB978346 số khung 855TF1A00005 do bà Nguyễn Phương Thanh H đứng tên sở hữu theo đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và được cấp giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tài sản số 1209496673 ngày 08 tháng 04 năm 2016;

- Xe ô tô tải có giấy chứng nhận đăng ký số 004465 do Công an tỉnh G cấp ngày 12/7/2016 biển số 69C-027.99 số máy 21615C019208 số khung CE56FB003747 do bà Nguyễn Phương Thanh H đứng tên sở hữu theo đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài, sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và được cấp giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tài sản số 1218617179 ngày 14 tháng 7 năm 2016;

- Xe ô tô tải có giấy chứng nhận đăng ký số 005200 do Công an tỉnh G cấp ngày 11/10/2016 biển số 69C-030.05 số máy IE3F52522095 số khung XNX8FAD09997 do bà Nguyễn Phương Thanh H đứng tên sở hữu theo đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và được cấp giấy chứng nhận số 1227671398 ngày 14 tháng 10 năm 2016.

Trong trường hợp việc phát mãi tài sản không đủ để trả nợ, bà Nguyễn Phương Thanh H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Khi bà Nguyễn Phương Thanh H trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có trách nhiệm trả lại các bản chính giấy đăng ký xe cho bà H.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Nguyễn Phương Thanh H phải chịu 75.403.813 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm lẻ ba ngàn tám trăm

mười lăm đồng). Hoàn lại 36.826.341 (Ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi một đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0027664 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền